**BÀI 8: VĂN BẢN THÔNG TIN**

*(Thời gian thực hiện: 12 tiết)*

**\* MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...

- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.

- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

- Nhận biết, vận dụng được câu rút gọn và câu đặc biệt trong thực hành giao tiếp.

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

***\* Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt, sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước.

- Chăm chỉ, tự giác, giúp đỡ, hỗ trợ bạn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tự hào về những di tích lịch sử của đất nước, có ý thức tìm hiểu, tuyên truyền và góp phần bảo vệ các di tích lịch sử – văn hoá.

**Tiết 97, 98: Đọc hiểu văn bản**

**QUẦN THỂ DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ**

**Môn Ngữ văn 9**

*(Thời gian thực hiện: 2 tiết)*

**I. Mục tiêu:**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một di tích lịch sử, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...

- Phân tích được thông tin cơ bản của VB; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.

- Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB.

- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong VB.

**2. Về phẩm chất:**

- Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy tính, ti vi

**2. Học liệu**

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh.

**b) Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc - hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV:** cho học sinh xem một video **Thương Về Xứ Huế Mộng Mơ - Hà Quỳnh Như Official**

? Em hãy cho biết nội dung của video trên?

? Em hãy điền thông tin vào cột K và W trong bảng KWL?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K | W | L |
| Em biết gì về cố đô Huế? | Em muốn biết gì về cố đô Huế? | Em đã học được điều gì? |
|  |  |  |

**B2 Thực hiện NV**

HS: chú ý xem video và hoàn thiện phần trả lời.

**B3 Báo cáo, thảo luận**

GV: gọi 1,2 học sinh trình bày

HS: trả lời

**B4 Kết luận, nhận định**

GV: nhận xét và dẫn vào bài mới

Nằm dọc theo bờ sông Hương thơ mộng, Cố đô Huế là một điểm đến du lịch không thể bỏ qua đối với những ai yêu thích khám phá lịch sử và văn hóa Việt Nam. Nơi đây từng là kinh đô của triều đại nhà Nguyễn trong suốt 133 năm (1802 - 1945), và hiện nay được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Trong tiết học hôm nay chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu và phá khám những giá trị vật chất và tinh thần của nơi đây.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (110 ph)**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền về Văn bản thông tin đã học.

- Bước đầu nhận biết được đôi nét cơ bản về văn bản giới thiệu di tích lịch sử; cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại, phương tiện phi ngôn ngữ.

**b. Nội dung**: HS tìm hiểu KTNV và đọc kĩ nội dung VB để thực hiện các NVHT mà giáo viên giao.

**c. Sản phẩm**: câu trả lời, PHT, vở ghi của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HĐ Tìm hiểu phần KTNV**  **B1 Chuyển giao NV**  - GV gọi HS đọc phần kiến thức ngữ văn  - Tổ chức thảo luận cặp đôi  **B2 Thực hiện NV**  HS trả lời phiếu học tập  Phiếu hướng dẫn tìm hiểu tri thức ngữ văn  1. Theo em, VB thông tin khác với VB văn học hoặc VB nghị luận ở những điểm gì?  2.Ở các lớp dưới, em đã học về những cách trình bày thông tin nào trong văn bản thông tin? Dấu hiệu nhận diện các cách trình bày ấy trên văn bản là gì?  3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin gồm những loại nào? Tác dụng của việc sử dụng các phương tiện ấy trong văn bản là gì?  HS: thảo luận  **B3 Báo cáo, thảo luận**  GV: gọi các nhóm lên trình bày  **B4 Kết luận, nhận định**  GV nhận xét  - Những đặc điểm cơ bản của văn bản thông tin là:  + Không giống như tiểu thuyết và các hình thức phi hư cấu khác, văn bản thông tin không sử dụng các ký tự. Nó có các tính năng ngôn ngữ chuyên ngành, chẳng hạn như việc sử dụng các danh từ chung.  + Văn bản thông tin thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như hình ảnh, âm thanh.  + Văn bản thông tin có sử dụng bảng mục lục, một chỉ mục, văn bản in đậm hoặc in nghiêng, bảng chú giải cho từ vựng cụ thể, phụ lục của định nghĩa, minh họa, truyền thuyết, biểu đồ và bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Kiến thức ngữ văn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HĐ 2 Tìm hiểu chung về TP**  **NV1**  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  **GV:**  tổ chức thảo luận cặp đôi  ? Em hãy hoàn thành phiếu học tập số 1.     |  |  | | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP | | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ |  | | Bố cục |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức.  **NV2**  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV đọc mẫu và gọi hs đọc văn bản  \* HS KT: đọc đoạn 2  GV: yêu cầu khi đọc phần đọc hiểu: to rõ ràng, đúng giọng điệu  GV: gọi học sinh giải thích một số từ khó.  GV: gọi HS tóm tắt văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc bài, giải thích từ khó, tóm tắt VB  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS khác nhận xét bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét về cách đọc của HS | **2. Tác giả, tác phẩm**  **- Xuất xứ:** khamphahue.com.vn  **- Thể loại**: văn bản thông tin  **- PTBĐ:** thuyết minh và miêu tả  **- Bố cục:** 4 phần  Phần 1: từ đầu đến Di sản Văn hóa Thế giới – Giới thiệu về Cố đô Huế.  Phần 2: tiếp theo đến mang đậm bản sắc Huế - Nét đặc trưng của Cố đô Huế.  Phần 3: tiếp theo đến phía trên là khán đài – Kiến trúc của Cố đô Huế.  Phần 4: còn lại – Giá trị của Cố đô Huế.  **3. Hướng dẫn đọc**  a. Đọc, chú thích  b. Đặc điểm thể loại |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1**  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: Hoạt động cặp đôi  ? Em hãy nêu những đặc điểm của một văn bản giới thiệu một di tích lịch sử.  ? Cách triển khai thông tin?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  **NV2**  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  - GV: gọi 4 hs đọc phần 1, 2, 3, 4  HS Hoạt động cá nhân.  - Thảo luận theo nhóm:  **N1**: Trong phần 1 tác giả đã giới thiệu và nêu những nét đặc trưng Cố đô Huế như thế nào?  **N2**: Khái quát kiến trúc cố đô Huế bằng sơ đồ tư duy? Nhận xét của em về kiến trúc nơi đây.  **N3** Những giá trị của Cố đô Huế được nêu trong văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - 4 Hs đọc 4 phần của VB  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận ra PHT  - TG thảo luận: 5ph  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Bên cạnh yếu tố ngôn ngữ, hãy chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ trong VB?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp. | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu đặc điểm của VBTT giới thiệu một di tích lịch sử.**  Văn bản Quần thể di tích Cố đô Huế thể hiện những đặc điểm của kiểu văn bản giới thiệu một di tích là:  - Mục đích: Mục đích viết: giới thiệu các thông tin khái quát về Cố đô Huế đến người đọc, nhằm kêu gọi gìn giữ và giới thiệu rộng rãi đến mọi người di tích lịch sử này  - Nội dung:  Về cấu trúc: Văn bản đầy đủ cấu trúc 3 phần:  + Mở đầu: giới thiệu về Cố đô Huế  + Nội dung: trình bày những nét đặc trưng và kiến trúc của Cố đô Huế  + Kết thúc: nhận xét về giá trị của Cố đô Huế  **2. Phân tích cách triển khai thông tin**  Về cách trình bày thông tin: Thông tin trong văn bản được triển khai kết hợp trình bày rất phong phú theo nhiều cách: Trật tự thời gian và không gian, quan hệ nguyên nhân - kết quả, phân loại các đối tượng.  **3. Tìm hiểu thông tin chính, thông tin chi tiết**  **a. Giới thiệu và nét đặc trưng của cố đô Huế**  + Huế là thủ phủ của các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong, kinh đô của triều đại Tây Sơn, của quốc triều Nguyễn.  + Cố đô Huế còn nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể có giá trị.  + Quần thể di tích Cố đô Huế đã được UNESCO ghi vào danh mục Di sản Văn hóa Thế giới.  **b. Kiến trúc Cố đô Huế**    - Kiến trúc Cố đô Huế, hay còn gọi là kiến trúc triều Nguyễn, là một di sản văn hóa vô giá của Việt Nam.  - Các công trình được trang trí bằng nhiều chi tiết hoa văn tinh xảo, thể hiện sự tỉ mỉ và công phu của người thợ thủ công.  - Kiến trúc Cố đô Huế là minh chứng cho sự thịnh vượng của triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.  - Nơi đây lưu giữ nhiều giá trị văn hóa, lịch sử quý giá, góp phần làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa của dân tộc.  **c. Giá trị của cố đô Huế**  - Giá trị tinh thần là niềm tự hào của người Việt về di tích lịch sử, đồng thời cũng là một danh lam thắng cảnh độc đáo, lâu đời, là một di tích lịch sử hấp dẫn không chỉ với người Việt mà đối với cả du khách quốc tế.  - Giá trị vật chất là điểm tham quan du lịch có giá trị kinh tế một di tích được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.  - Thủ tướng chính phủ đã có Quyết đinh việc xếp hạng Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể kiến trúc Cố đô Huế là Di tích Quốc gia đặc biệt.  **4. Tìm hiểu phương tiện ngôn ngữ kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ**    - Văn bản sử dụng nhiều từ ngữ chuyên ngành kiên quan đến kiến trúc.  - Văn bản sử dụng hình ảnh minh họa cho đối tượng được đề cập tới trong văn bản. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV4 Tổng kết**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Từ tìm hiểu văn bản này, hãy khái quát cách đọc hiểu văn bản thông tin.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung:**  - Cung cấp thông tin giới thiệu về Cố đô Huế với giá trị lịch sử và giá trị kiến trúc. Cố đô Huế là di sản văn hóa lưu giữ giá trị vật chất và tinh thần của người Việt.  **2. Nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ khoa học, rõ ràng, khách quan.  -  Thông tin dựa trên cơ sở khoa học.  - Bố cục chặt chẽ, cách triển khai thông tin gãy gọn, dễ hiểu.  **3. Một số lưu ý khi đọc văn bản giới thiệu một di tích lịch sử:**  **-** Xác định mục đích của văn bản: giới thiệu lịch sử, kiến trúc, giá trị,... của di tích?  - Nắm được đối tượng mà văn bản hướng đến: học sinh, du khách,...?  - Xác định các thông tin chính về di tích: tên gọi, vị trí, thời gian xây dựng, lịch sử hình thành,...  - Nắm được những đặc điểm nổi bật về kiến trúc, nghệ thuật của di tích.  - Hiểu rõ giá trị lịch sử, văn hóa và ý nghĩa của di tích.  - Xác định bố cục chung của văn bản: phần mở đầu, thân bài, kết luận.  - Nhận diện các luận điểm chính và luận cứ được sử dụng để thuyết minh. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10ph)**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1 Chuyển giao NV**

*Hoàn thành phiếu học tập KWL*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K | W | L |
| Em biết gì về cố đô Huế? | Em muốn biết gì về cố đô Huế? | Em đã học được điều gì? |
|  |  |  |

**B2 Thực hiện NV**

- HS thực hiện cá nhân

**B3 Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trình bày, trao đổi

HS khác nêu ý kiến, bổ sung

**B4 Kết luận, nhận định**

GV chốt KT.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10ph)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1 GV giao nhiệm vụ:**

*Hãy viết một đọan văn (khoảng 10 câu) trình bày cảm nhận về Quần thể di tích cố đô Huế.*

**B2 Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**B3 Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**B4 Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**\* Hướng dẫn HS học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau**

- Hướng dẫn HS học bài và làm BT vận dụng

+ Đọc kĩ lại VB

+ Hoàn thành các BT

+ Sưu tầm và đọc thêm các VB TT giới thiệu về 1 di tích lịch sử

- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau:

+ Đọc kĩ VB

+ Tìm hiểu chung về VB

+ Soạn theo câu hỏi SGK

### **Tiết 103, 104: Đọc hiểu văn bản**

### **CÙNG NHÀ VĂN TÔ HOÀI NGẮM PHỐ PHƯỜNG HÀ NỘI**

**I. Mục tiêu:**

**1. Về năng lực:**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...

- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.

**\* Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ/ nhóm học tập để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản; Nêu được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

**2. Về phẩm chất:**

**- Yêu nước**: Tự hào về quê hương, đất nước.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, Tivi

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV, tài liệu tham khảo.

- Tư liệu tham khảo

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 ph)**

**a) Mục tiêu**

HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản.

**b) Nội dung**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Lật mảnh ghép

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, thiết kế đồ họa, thiết kế

Mô tả được tạo tự động

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV:giới thiệu trò chơi, gọiHS đọc Luật chơi, lần lượt đọc câu hỏi trong các ô ghép.

**B2 Thực hiện NV**

HS: chú ý, giơ tay trả lời.

**B3 Báo cáo, thảo luận**

GV: gọi học sinh giơ tay nhanh nhất trả lời.

HS: trả lời đúng, nhận được 1 phần quà.

**B4 Kết luận, nhận định**

GV: nhận xét, khen ngợi và dẫn vào bài mới

*Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của nước ta. Nơi đây tập trung nhiều địa điểm văn hóa giải trí, công trình thể thao quan trọng của đất nước, đồng thời cũng là địa điểm được lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện chính trị và thể thao quốc tế. Đây cũng là nơi tập trung nhiều làng nghề truyền thống, lễ hội. Thành phố Hà Nội có chỉ số phát triển con người ở mức cao. Viết về Hà Nội, có rất nhiều tác phẩm hay, hôm nay, cô xin mời các con cùng khám phá phố phường Hà Nội qua lời kể và sự nhìn nhận, đánh giá của nhà văn Tô Hoài với văn bản:….*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (65ph)**

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền về Văn bản thông tin đã học.

- Bước đầu nhận biết được đôi nét cơ bản về bài phỏng vấn; cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại, phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung: GV tổ chức các hoạt động giúp HS tìm hiểu KTNV và kiến thức về VB.

c. Sản phẩm: câu trả lời, PHT, vở ghi của HS

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HĐ1 Tìm hiểu phần KTNV**  **B1 Chuyển giao NV**  - Tổ chức thảo luận cặp đôi  **B2 Thực hiện NV**  HS trả lời **Phiếu hướng dẫn tìm hiểu tri thức ngữ văn:**   |  | | --- | | + Phỏng vấn là gì? | | + Có mấy cách phỏng vấn? | | + Mục đích của phỏng vấn? | | + Nội dung bài phỏng vấn có đặc điểm gì? |   HS: thảo luận  **B3 Báo cáo, thảo luận**  GV: gọi các nhóm lên trình bày  **B4 Kết luận, nhận định**  GV: nhận xét.  ***Dự kiến câu trả lời của HS:***  *- Phỏng vấn là một cuộc trao đổi (hỏi và đáp) có mục đích. Các bài phỏng vấn là tác phẩm báo chí, thường do phóng viên hỏi và người được phỏng vấn trả lời.*  *- Phỏng vấn nhằm hai mục đích: miêu tả, khắc họa chân dung nhân vật hay cung cấp thông tin về một lĩnh vực cụ thể nào đó mà người được phỏng vấn có hiểu biết hoặc có trách nhiệm trả lời.*  *- Có 2 cách thực hiện phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp là người hỏi và người trả lời trực tiếp gặp nhau, lần lượt hỏi và trả lời. Phỏng vấn gián tiếp là trao đổi qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác. Với những vấn đề phức tạp, người được phỏng vấn chưa thể trả lời ngay, cần chuẩn bị và tra cứu thì việc phỏng vấn thường được thực hiện bằng văn bản.*  *Nội dung bài phỏng vấn thường ngắn gọn, câu hỏi và trả lời rõ ràng.* | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Kiến thức ngữ văn**  - Phỏng vấn là một cuộc trao đổi (hỏi và đáp) có mục đích;  là tác phẩm báo chí, thường do phóng viên hỏi.  - Mục đích: miêu tả, khắc họa nhân vật hay cung cấp thông tin về một lĩnh vực cụ thể.  - Cách thực hiện: trực tiếp và gián tiếp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu TG, TP**  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  **GV:**  tổ chức thảo luận cặp đôi  ? Em hãy hoàn thành phiếu học tập số 1.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ |  | | Bố cục |  | | Xác định mục đích và cách thực hiện bài phỏng vấn? | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:** Hướng dẫn đọc  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: gọi hs đọc văn bản  GV: yêu cầu khi đọc phần đọc hiểu: to rõ ràng, đúng giọng điệu  GV: gọi học sinh giải thích một số từ khó.**(gọi HSKT trả lời)**  GV: gọi HS tóm tắt văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc bài  **Bước 3: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét về cách đọc của HS | **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả:** Trần Đăng Khoa  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Trích “Hà Nội 36 góc nhìn”, 2003  **- Thể loại**: văn bản thông tin – bài phỏng vấn.  + Mục đích: cung cấp những thông tin về Hà Nội.  + Cách thực hiện: phỏng vấn trực tiếp nhà văn Tô Hoài.  - PTBĐ: thuyết minh  **- Bố cục:** 4 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “bị mất phố luôn.”: Hình ảnh Hà Nội xưa và nay qua cái nhìn của nhà văn Tô Hoài.  Phần 2: Tiếp theo đến “thì bây giờ vẫn thế...”: Tính cách của người Hà Nội  Phần 3: Còn lại: Cách bố trí, sắp đặt của ông Trần Văn Lai.  **3. Hướng dẫn đọc**  a. Đọc, chú thích  b. Đặc điểm thể loại |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: Hoạt động cặp đôi  ? Em hãy chỉ ra đặc điểm của một bài phỏng vấn thể hiện qua văn bản này?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  ***Dự kiến cấu trả lời của HS***: *Đặc điểm của thể loại phỏng vấn:*  *+ Thể hiện tính dân chủ*  *+ Trực tiếp, khách quan, chân thực*  *+ Thể hiện tính sinh động, hấp dẫn*  *+ Thông tin trong bài viết hoàn toàn do ngược được phỏng vấn chịu trách nhiệm*  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: Hoạt động cặp đôi  ? Cách triển khai thông tin?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v**  GV: gọi hs đọc phần 1  GV: Thảo luận nhóm 4 HS/1 nhóm, hoàn thiện PHT số 2   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | Câu 1: Chi tiết nào cho thấy Tô Hoài rất thông hiểu Hà Nội? | | Câu 2. Các câu hỏi phỏng vấn đưa ra nhằm khai thác thông tin gì? | | Câu 3. Địa giới Hà Nội xưa có đặc điểm gì? | | Câu 4. Tên phố cổ Hà Nội có gì lạ? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  ***Dự kiến câu trả lời của HS:***  *1. Chi tiết cho thấy Tô Hoài rất thông hiểu Hà Nội: Ngày xưa thế nào thì bây giờ vẫn thế. Tôi có thể nhắm mắt đi đến khu phố nào cũng được.*  *2. Các câu hỏi nhằm khai thác thông tin về Hà Nội xưa.*  *3. Địa giới Hà Nội xưa có đặc điểm:*  *+ Đi hết Trường Chu Văn An là đất Hà Đông.*  *+ Làng Yên Phụ thuộc đất Hà Đông.*  *+ Hà Nội được chia làm bốn khu: khu phố cổ, khu phố cũ, khu phố mới, khu dưới bãi.*  *4. Tên phố cổ là tên các quán hàng như cái chợ, có nhiều tên phố lạ.*  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: gọi hs đọc phần 2  HS: Hoạt động cá nhân  ? Theo Tô Hoài, người Hà Nội có tính cách như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức  ***Dự kiến câu trả lời của HS:***  *- Theo Tô Hoài, người Hà Nội có tính cách: hào hoa phong nhã*  **Bước 1: G/v chuyển giao n/v.**  GV: gọi hs đọc phần 3  HS: Hoạt động cá nhân  ? Giới thiệu về ông Trần Văn Lai  ? Ông Trần Văn Lai đã làm được hai việc cơ bản nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức  ***Dự kiến câu trả lời của HS:***  *- Ông Trần Văn Lai đã làm được hai việc cơ bản:*  *+ Đập hết các tượng đài của Pháp, chỉ để lại hai tượng bán thân là tượng Y-éc-xanh và tượng Pa-xtơ.*  *+ Thay lại các tên phố.* | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu đặc điểm của bài phỏng vấn**  + Đây là cuộc phỏng vấn trực tiếp giữa Trần Đăng Khoa và nhà văn Tô Hoài.  => Gợi tính chân thực, khách quan và thể hiện sự am hiểu tỏ tường của nhà văn Tô Hoài trong việc nhìn nhận Hà Nội xưa và nay.  + Câu hỏi phỏng vấn đi thẳng vào vấn đề, ngắn gọn và đánh đúng trọng tâm các thông tin liên quan tới phố phường Hà Nội. Có câu hỏi phản biện đối với người được phỏng vấn nhằm làm cho cuộc phỏng vấn có lượng thông tin đầy đủ, logic và mạch lạc.  + Câu trả lời phỏng vấn chi tiết, đầy đủ và cung cấp các thông tin cần thiết và thêm các thông tin khác để làm rõ vấn đề.  **2. Phân tích cách triển khai thông tin**  Về cách trình bày thông tin: Thông tin trong văn bản được triển khai kết hợp trình bày rất phong phú theo nhiều cách: Trật tự thời gian và không gian, quan hệ nguyên nhân - kết quả, phân loại các đối tượng.  **3. Tìm hiểu thông tin chính, thông tin chi tiết**  **3.1. Hình ảnh Hà Nội xưa và nay qua cái nhìn của nhà văn Tô Hoài.**  **\* Trước và nay, Hà Nội đều giữ nguyên:**  + Các khu phố cổ: đường phố, vỉa hè không thay đổi. Các vỉa hè ở các phố Ngô Quyền, Hàng Khay, Tràng Tiền, Hàng Bài,…đầu các vỉa hè còn bọc đá xanh.  + Hệ thống cống ngầm giữ nguyên: nên vẫn xảy ra tình trạng ngập úng. Nắp cống tròn đúc từ bên Pháp.  **\* Sự thay đổi nhỏ:**  + Hồ Tây: bị thu hẹp vì lấn đất.  Trước đây: đất rộng, cây lá rậm rạp, ven hồ trồng nhiều sen. Sau đó nuôi cá mè.  + Khu phố Hà Nội: Ngày xưa các địa giới các khu phố rất hẹp nay được mở rộng.  *-> Hà Nội nay đã có sự “thay da đổi thịt” để phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội song vẫn giữ được nét đặc trưng với có của mình.*  **3.2. Tính cách người Hà Nội**  - Người Hà Nội có nét hào hoa phong nhã.  -Tính cách người Hà Nội hội tụ từ tính cách những người ở các tỉnh khác đến.  **3.3. Sự bố trí, sắp đặt của ông Trần Văn Lai**  + Trần Văn Lai là một bác sĩ và là một người yêu nước.  + Bị bỏ từ nhưng tháng 3/1945 được thả ra và giữ chức Thị trưởng thành phố.  + Ông đã thay tên các phố. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Khái quát nội dung chính và ý nghĩa của bài phỏng vấn?  ? Từ tìm hiểu văn bản này, hãy khái quát cách đọc hiểu bài phỏng vấn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp. | **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nội dung- Ý nghĩa**  **-** Cung cấp thông tin về Hà Nội: tên các phố, khu vực địa chính, các mặt hàng nổi tiếng, tính cách người Hà Nội, Hà Nội qua dòng chảy của thời gian giúp độc giả hiểu hơn về thủ đô qua các phương diện: con người, địa danh, tên phố,....  - Qua đó, ta thấy được cái nhìn trực quan, sâu sắc, sự am hiểu tường tận và tình yêu đối với thủ đô của nhà văn Tô Hoài.  **2. Nghệ thuật:**  + Ngôn ngữ phỏng vấn dễ hiểu, giải thích cặn kẽ, đầy đủ thông tin.  +  Thông tin dựa trên sự trải nghiệm, quan sát, và sự thu thập thông tin có thể kiểm chứng của nhà văn Tô Hoài.  + Câu hỏi và câu trả lời ăn khớp nhau, giúp người đọc hình dung rõ hơn về Hà Nội.  **3. Một số lưu ý khi đọc văn bản bài phỏng vấn**  **-** Xác định mục đích của bài phỏng vấn.  - Chỉ ra được cách thức thực hiện phỏng vấn, nhân vật được phỏng vấn là ai.  - Chỉ ra được những đặc điểm của bài phỏng vấn.  - Phân tích được những nội dung thông tin mà bài phỏng vấn cung cấp.  - Rút ra ý nghĩa, bài học thông qua bài phỏng vấn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10ph)**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** Chơi trò chơi “ Hộp quà bí mật” để củng cố kiến thức bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1 Chuyển giao NV**

|  |  |
| --- | --- |
| *GV tổ chức trò chơi: Hộp quà bí mật, mỗi hộp quà tương ứng với 1 câu hỏi, 1 hộp còn lại sẽ là hộp quà may mắn.*  HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra. | **Ảnh có chứa hộp, đồ chơi, nhựa  Mô tả được tạo tự động** |

***Câu 1:*Chi tiết nào cho chúng ta thấy nhà văn Tô Hoài là người rất am hiểu Hà Nội?**

A. Tôi sinh ở Hà Nội, Hà Nội trước thế nào thì bây giờ tôi thấy nó cũng vẫn như thế…

B. Địa giới Hà Nội xưa rất rộng. Đi hết trường Chu Văn An bây giờ đã là hết đất Hà Đông rồi.

C. Hà Nội do dân tứ phương lập nên. Người Hà Nội gốc có lẽ là mấy anh đánh cá ở sông Tô Lịch.

**D. Tôi có thể nhắm mắt đi đến khu phố nào cũng được.**

***Câu 2:*Theo lời kể của Tô Hoài, ông Trần Văn Lai đã làm được hai việc nào?**

**A. Đập hết các tượng đài của Pháp, chỉ để lại hai tượng bán thân là tượng Y-éc-xanh và tượng Pa-xtơ. Thay lại các tên phố.**

B. Đập hết các tượng đài của Mĩ. Thay lại các tên phố.

C. Đập hết các tượng đài của Pháp, chỉ để lại hai tượng bán thân là tượng Y-éc-xanh và tượng Pa-xto. Giữ nguyên các tên phố.

D. Giữ nguyên các tên phố. Giữ nguyên các tượng đài của Pháp.

***Câu 3:*Nhận định nào sau đây đúng nhất khi nói về tính cách con người Hà Nội?**

A. Chăm chỉ, chịu khó.

B. Ranh mãnh, biết cách làm ăn.

C. Hiếu khách, chăm chỉ.

**D. Hội tụ những nét tính cách khác nhau từ người dân các địa phương đến.**

***Câu 4:*Hình thức cuộc phỏng vấn trên là gì?**

**A. Phỏng vấn trực tiếp**

B. Phỏng vấn qua văn bản

C. Phỏng vấn qua điện thoại

D. Phỏng vấn gián tiếp

***Câu 5:*Qua cuộc phỏng vấn trên cho thấy nhà văn Tô Hoài là người như thế nào?**

**A. Có vốn am hiểu về Hà Nội sâu rộng và niềm tự hào, tình yêu Hà Nội cháy bỏng.**

B. Có cái nhìn chủ quan, không có cơ sở thực tế.

C. Trả lời dài dòng, không đúng trọng tâm.

D. Là người biết quan tâm người khác, sống có trách nhiệm.

**B2 Thực hiện NV**

HS theo dõi câu hỏi, trả lời

**B3 Báo cáo, thảo luận**

HS khác nhận xét. GV chiếu kết quả đúng

**B4 Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chốt KT

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 ph)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1 GV giao nhiệm vụ:**

*Hãy viết một đọan văn (khoảng 3-5 câu) giải thích lý do vì sao nhà văn Tô Hoài trả lời được những câu hỏi phỏng vấn một cách đầy đủ và ấn tượng.*

**Gợi ý:**

**- Lí do Tô Hoài trả lời được phỏng vấn:**

*+ Là một người Hà Nội gốc.*

*+ Sống trong giai đoạn “chuyển mình”*

*của Hà Nội*

*+ Bản thân là một nhà văn nổi tiếng*

*+ Có vốn hiểu biết sâu rộng*

*+ Có sự quan sát tinh tế, bao quát*

*+ Có sự gắn bó và tình yêu tha thiết đối với quê hương Hà Nội.*

**B2 Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**B3 Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**B4 Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**\* Hướng dẫn HS học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau**

- Hướng dẫn HS học bài và làm BT vận dụng

+ Đọc kĩ lại VB

+ Hoàn thành các BT

+ Sưu tầm và đọc thêm các VB phỏng vấn khác

- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau:

+ Đọc kĩ phần KTNV về câu rút gọn và câu đặc biệt

+ Làm các BT ở SGK

**Tiết 105. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**CÂU RÚT GỌN VÀ CÂU ĐẶC BIỆT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết, vận dụng được câu rút gọn và câu đặc biệt trong thực hành giao tiếp.

**2. Về năng lực:**

**a, Năng lực riêng biệt:**

+ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt.

+ Hiểu được phạm vi và tác dụng của việc sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt trong giao tiếp và trong sáng tác văn chương.

**b, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Không lạm dụng câu rút gọn và câu đặc biệt, luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chức hoạt động:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV:** cho 2 hs đóng và diễn xuất truyện cười “Mất rồi! Cháy!”

? Điều gì trong câu chuyện làm con chú ý nhất?

GV: gọi 1,2 học sinh trình bày

HS: trả lời

GV: nhận xét và dẫn vào bài mới

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá nhận xét.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

a. Mục tiêu:

+ Nhận biết, nắm được đặc điểm của câu rút gọn và câu đặc biệt.

+ Hiểu được phạm vi và tác dụng của việc sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt.

b. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Tìm câu đặc biệt, câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây?  a. Mùa xuân. Mùa xuân đã về.  b. A hỏi B:  - A: Mùa đầu tiên trong năm gọi là gì?  - B: Mùa xuân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.  - GV phát vấn:  ? Hãy so sánh câu rút gọn với câu đặc biệt?  ? Hiểu như thế nào là câu rút gọn, câu đặc biệt và chức năng của mỗi kiểu câu này?  - GV cần lưu ý HS phân biệt câu rút gọn, câu đặc biệt với câu sai ngữ pháp. | **I. Kiến thức ngữ văn**  1. Câu rút gọn: là câu đã lược bỏ một hoặc một số thành phần bắt buộc trong câu. Làm cho câu ngắn gọn, vừa thông tin được nhanh vừa tránh lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước, đồng thời liên kết với câu đứng trước chặt chẽ hơn  - Trong một số trường hợp, việc lược bỏ chủ ngữ còn ngụ ý hành động, đặc điểm nêu ở vị ngữ là của mọi người.  2. Câu đặc biệt: là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ.  - Câu đặc biệt thường dùng:  + Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến.  + Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng.  + Biểu lộ cảm xúc hoặc sự đánh giá.  + Gọi đáp. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b**) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Nhiệm vụ 1  **Bước 1: Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Gv phát phiếu học tập.*  *+ PBT số 1: nhóm 1,2*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Câu*** | ***Câu rút gọn*** | ***Tp bị lược bỏ*** | ***Văn cảnh cho phép hiểu đúng, hiểu rõ nghĩa của mỗi câu rút gọn*** | | ***a*** |  |  |  | | ***b*** |  |  |  | | ***c*** |  |  |  | | ***d*** |  |  |  |   *+ PBT số 3: nhóm 3,4*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | ***Câu đặc biệt*** | ***Ý nghĩa, tác dụng của mỗi câu đặc biệt*** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  | | e |  |  |   **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát ngữ liệu sách giáo, trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ làm bài tập 1,3 vào PBT.  + Vòng chuyên gia 5p  + Vòng mảnh ghép 3p  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét.**  Gv chôt  Nhiệm vụ 2  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** Trong những câu sau, thành phần nào đã bị lược bỏ? Những câu đó được sử dụng trong hoàn cảnh, tình huống giao tiếp nào?  a) *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.* (Tục ngữ)  b) *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.* (Tục ngữ)  c) *Hãy cứu lấy Trái Đất!* (Khẩu hiệu)  d) *Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật!* (Khẩu hiệu)  **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV chốt kiến thức.  Nhiệm vụ 3:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Viết đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nêu cảm xúc của em khi đến thăm một di tích lịch sử, trong đoạn văn có sử dụng câu đặc biệt (hoặc câu rút gọn).  **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá:** | **II. Thực hành.**  **Bài 1**  **a. *Câu rút gọn:*** *Cả tiếng cười*  Rút gọn VN “ngừng"  Văn cảnh: Việc ngừng cất lên tiếng hát cũng đồng nghĩa với việc cười ngừng lại, không gian bỗng trở nên im bặt  **b.*****Câu rút gọn:*** *Rồi ba bốn người, sáu bảy người.*  Rút gọn VN “đuổi theo nó".  Văn cảnh: Tính chất hành động trước tiên của hai người là đuổi theo, rồi số lượng người tham gia sau đó tăng tiếp theo.  c. ***Câu rút gọn:*** *Còn phải kể cho người khác biết chứ.*  Rút gọn CN “*Ông lão*".  Văn cảnh: Ông lão kể ngắn gọn, nhanh vội, sau đó lại lật đật rời khỏi nơi đó để chuyển sang kể tiếp cho người khác  d. ***Câu rút gọn:***  *+ Ngại, rất ngại.*  *+ Ban ngày bận bù đầu lên ở cơ quan.*  Rút gọn CN “*Anh*".  Văn cảnh: Anh muốn thực hiện một kế hoạch với vợ con nhưng chưa thực hiện được và cũng chẳng thấy vợ con nhắc đến. Khi ý định đó nhạt đi, anh bắt đầu thấy ngại, lười và sự bận rộn vào ban ngày khiến ý định đó trở nên khó khăn.  **Bài 3:**  *a) Chao ôi!*  *=> lời than, biểu lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc, cái nỗi nhớ của ông Hai đối với Làng*  b) *Khốn nạn!*  *=>* *lời than, biểu lộ trực tiếp sự phẫn nộ, tức giận trước hành động không tốt của người khác hoặc của bản thân.*  c) *Thu!*  *=>* *lời gọi, hướng tới người nghe, kêu gọi sự chú ý của người nghe*  d) *Cây tre Việt Nam!*  *=>* *thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng*  e) *Một đêm mùa xuân.*  *=>* *Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến như là bối cảnh cho những sự việc được trình bày tiếp theo*  **Bài 2:**  Thành phần bị lược bỏ trong các câu này là chủ ngữ (biểu thị người tiếp nhận),làm cho ý cầu khiến được thể hiện một cách mạnh mẽ, dứt khoát hơn với tất cả mọi người. Và tăng tính khẩu ngữ.  a) => Được sử dụng trong tình huống cảnh báo, khuyên nhủ hoặc răn dạy.  b) Thành phần bị lược bỏ: chủ ngữ  => Được sử dụng để khích lệ, khuyên bảo hoặc chia sẻ kinh nghiệm.  c) Thành phần bị lược bỏ: chủ ngữ => Được sử dụng để kích động, cổ vũ hoặc thúc đẩy hành động cụ thể.  d) Thành phần bị lược bỏ: chủ ngữ  => Được sử dụng để kêu gọi, khích lệ hoặc tuyên truyền.  **Bài 4: Đoạn văn tham khảo**  Di tích lịch sử luôn có sức cuốn và ấn tượng với mỗi người dân không chỉ của quốc gia, dân tộc đó mà còn cuốn hút cả du khách quốc tế thích tìm tòi, khám phá. Em cũng từng đi nhiều, khám phá nhiều di tích lịch sử nhưng có lẽ, Lăng Chủ Tịch Hồ Chí Minh là một di sản văn hóa vĩ đại nhất mà em đã ghé thăm. Trong không gian trầm mặc, dưới bóng đèn nê ông dịu mát, hình ảnh Bác hiện ra rõ nét trước mắt, khiến tim em xuyến xao. Cảm giác như thời gian đã ngừng trôi, mỗi bước chân trên thềm lăng, quanh nơi Bác ngủ, em như nghe thấy hơi thở của Bác, nghe thấy tiếng Bác cười, nghe thấy giọng nói trầm ấm của Bác, vị cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc. Chao ôi! Đó thật sự là một trải nghiệm không thể nào quên được. Em yêu Bác! Muôn ngàn kính yêu Bác! Và chính giây phút này đây, em thầm hứa với Bác sẽ học tập thật tốt để sau này đem tài trí góp phần gìn giữ và xây dựng đất nước ta thật to đẹp như Bác kính yêu mong muốn!  - Câu đặc biệt: “*Chao ôi!*”. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Hs thực hiện bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Chia lớp thành 4 nhóm, thi xây dựng đoạn kịch ngắn (Khoảng 8-10 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn kịch có sử dụng câu rút gọn hoặc câu đặc biệt.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, làm việc nhóm để xây dựng kịch bản.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV gọi bất kì các đại diện nhóm trình bày kết quả

**Bước 4: Kết luận, đánh giá.**

**\* Hướng dẫn tự học.**

**BÀI 8. VĂN BẢN THÔNG TIN**

**Tiết 106: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU *ĐỀN THÁP VẪN NGỦ YÊN***

**(Theo Quỳnh Trang)**

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm của văn bản, tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản giới thiệu một di tích lịch sử:

+ Nhận biết được thông tin chính của văn bản giới thiệu di tích lịc sử;

+ Chỉ ra các thông tin cụ thể được đề cập trong văn bản và cách triển khai ý tưởng, thông tin đó theo trật tự nào;

+ Xác định được đặc điểm của văn bản thông tin thể hiện qua các yếu tố hình thức như nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng, đặc biệt là các hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, đồ thị,… có trong văn bản; nêu được tác dụng của chúng trong việc cung cấp, làm rõ thông tin của văn bản hoặc làm tăng thêm sức hấp dẫn của văn bản.

- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống;

- Tự hào về những di tích lịch sử của đất nước và thế giới, có ý thức tìm hiểu, tuyên truyền và góp phần bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính, bảng tương tác, máy chiếu vật thể hoặc điện thoại thông minh có ứng dụng phản chiếu màn hình.

- SGK, SGV, SBT Ngữ văn 9, tập 2; sách tham khảo về đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 9.

**2. Học sinh**

- Chuẩn bị các nhiệm vụ học tập từng phần theo hướng dẫn ở bài mở đầu.

- SGK, vở ghi, vở lưu hồ sơ học tập, giấy note, giấy nháp, giấy A0, A4, bút màu, bút chì, bút viết,…

- Hoàn thành sản phẩm học tập, sơ đồ tư duy, phiếu học tập GV giao chuẩn bị trước tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5p)**

***a. Mục tiêu:*** Kết nối phần đọc hiểu hai văn bản chính, tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về phần thực hành đọc hiểu văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên.*

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PP đàm thoại, nêu vấn đề để HS chia sẻ kiến thức, suy nghĩ của bản thân về một di tích lịch sử của nước ngoài (khuyến khích HS có sự chuẩn bị trước về tranh ảnh, video,...).

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**-** GV yêu cầu HS chuẩn bị và trình bày thông tin về một di tích lịch sử của nước ngoài mà em biết để giới thiệu với các bạn cùng lớp.

-HS làm việc nhóm, trình bày hiểu biết về một di tích lịch sử của nước ngoài.

**-** GV khen ngợi, động viên; kết nối bài học:

***Ví dụ:*** *Kì quan Ăng – co ở Cam – pu – chia là một* *trong những di tích lịch sử có nhiều điều lí thú cần tìm hiểu, khám phá. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu thêm về nơi đây.*

**2. Hoạt động 2: Thực hành đọc hiểu (75p)**

***a. Mục tiêu:***

- Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà và thực hành đọc trên lớp của HS.

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm của văn bản, tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên.*

***b. Nội dung:*** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập, các câu hỏi để đạt được nội dung trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách thức tổ chức HĐ** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* HĐ1: Kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà của học sinh (5p)***  **-** GV yêu cầu HS báo cáo việc chuẩn bị và tự đọc văn bản qua việc trả lời các câu hỏi sau: Qua những kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin trong các văn bản giới thiệu một di tích lịch sử, em đã vận dụng đọc hiểu văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên* như thế nào?  **-** HS dựa vào vở soạn độc lập trả lời.  - GV gọi 1, 2 HS trả lời câu hỏi.  **-** GV nhận xét việc đọc ở nhà của HS, kết nối vào phần tiếp theo.  ***\* HĐ 2: GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chung (10p)***  -GV đọc mẫu và yêu cầu HS đọc nối tiếp các đoạn văn bản; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - GVnhận xét việc đọc của HS, khắc sâu kĩ năng đọc. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu từ khó**  ***- Hướng dẫn đọc***: rõ ràng, mạch lạc, chú ý phát âm chính xác các từ chỉ địa danh; ngắt nghỉ phù hợp.  ***- Giải thích một số từ khó***:  *Bà La Môn:* một tôn giáo thịnh hành ở Ấn Độ cổ đại. Bà La Môn cũng là tên gọi đẳng cấp cao nhất trong xã hội Ấn Độ. |
| - Xác định chủ đề văn bản và nêu căn cứ xác định.  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - Em hiểu như thế nào về nhan đề *Đền tháp vẫn ngủ yên?* Nhan đề này có gì khác so với nhan đề các văn bản đọc hiểu trong Bài 8?  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - Bài viết có mấy phần? Nêu nội dung chính của mỗi phần. Có thể dựa vào đâu để xác định nhanh các nội dung ấy?  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Chủ đề văn bản**  Giới thiệu về quần thể đền tháp Ăng-co  **b. Nhan đề**  - Nhan đề văn bản được đặt theo cách nói nhân hóa, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ và hình dung, tưởng tượng: Đền tháp ngủ yên như một con người đang ngủ, ôm trọn trong nó muôn vàn câu chuyện hấp dẫn và sống động.  - Chính cách đặt nhan đề trên tạo ra sự khác biệt với các văn bản đọc hiểu trong bài 8. Cách đặt nhan đề của văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế* là nêu tên di tích gắn với địa danh; văn bản *Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội* lại đặt theo sự việc; còn văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên* đặt nhan đề gợi mở bằng cách nói nhân hóa đền tháp như con người.  **c. Bố cục**  3 phần:  - Phần sa pô (in đậm đầu văn bản): Giới thiệu chung về di tích Ăng-co.  - Phần *Thành phố bình yên*: Giới thiệu về thành phố Xiêm Riệp, nơi có đền Ăng-co Vát và Ăng-co Thom.  - Phần *Những ngôi đền cổ kính*: Đi sâu giới thiệu về đền tháp Ăng-co – đặc điểm kiến trúc và giá trị của di sản. |
| ***\* HĐ 3: GV hướng dẫn HS khám phá văn bản (20p)***  - Đọc kĩ phần sa pô và cho biết thông tin chính của sa pô là gì.  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Đọc kĩ phần *Thành phố bình yên* và cho biết vì sao Xiêm Riệp được xem là một thành phố bình yên.  - HS suy nghĩ, trao đổi cặp đôi.  - GV gọi 2-3 HS đại diện trả lời, nhận xét, chốt kiến thức.  - GV phân công nhóm (6HS/nhóm) và giao nhiệm vụ:  + Nhóm 1, 3, 5, 7: tìm và chỉ ra những nét đặc sắc của Ăng-co Thom được trình bày trong văn bản.  + Nhóm 2, 4, 6, 8: tìm và chỉ ra những nét độc đáo của Ăng-co Vát được trình bày trong văn bản.  - HS thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Em hãy chỉ ra cách triển khai thông tin trong văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên*?  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử qua bài *Đền tháp vẫn ngủ yên.* Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này.  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - Nhận xét và làm sáng tỏ tình cảm, thái độ của người viết qua một số câu văn và các chi tiết cụ thể trong văn bản.  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt kiến thức. GV lưu ý với HS một số câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả:  + *Tuyệt đỉnh kiến trúc Khmer chính là khu đền Ăng-co Vát. Du khách thường viếng thăm nơi này vào buổi chiều, khi có ánh Mặt Trời chiếu thẳng vào chính điện quay về hướng tây.*  + *Ước mơ đã thành hiện thực khi tôi được đặt chân đến kinh đô của những đền đài cổ kính để chiêm ngưỡng sự kì vĩ của tuyệt đỉnh kiến trúc Khmer, để chạm tay vào những tượng đá hàng ngàn năm tuổi và để có những khoảnh khắc lắng đọng ở xứ Chùa Tháp thanh bình.* | **II. Khám phá văn bản**  **1. Sa pô**  Xiêm Riệp là điểm đến hấp dẫn với khách du lịch vì có kì quan Ăng-co.  **2. Thành phố bình yên**  Vẻ đẹp bình yên ở Xiêm Riệp:  - Kiến trúc ở Xiêm Riệp lưu giữ được bản sắc, hòa hợp với sự cổ kính của quần thể Ăng-co.  - Đường phố không có cảnh xe cộ hỗn độn hay ùn tắc.  - Người dân hiền lành, chất phác.  - Những khu di tích đều tuân thủ theo trật tự, quy củ.  **3. Những ngôi đền cổ kính**  - Ăng-co Thom:  + Kinh đô cuối cùng và lâu dài nhất của đế quốc Khmer;  + Vật liệu xây dựng là đá ong và sa thạch;  + Các khu đền: Bai-on, Ta Prom.  - Ăng-co Vát:  + Trong khi các ngôi đền Ăng-co đều quay về hướng đông thì khu đền Ăng-co Vát lại quay mặt về hướng tây;  + Những bức tranh đá, bức điêu khắc.  **4. Cách triển khai thông tin và đặc điểm của một văn bản giới thiệu một di tích lịch sử**  - Thông tin trong văn bản được trình bày theo trật tự thời gian kết hợp không gian (từ khi vào trung tâm thành phố cho đến khi tới khu quần thể Ăng-co).  - Đặc điểm của văn bản thông tin thể hiện trong văn bản *Đền tháp vẫn ngủ yên*:  + Di tích Ăng-co là công trình xây dựng hoặc địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;  + Di tích Ăng-co gắn với danh lam thắng cảnh.  => Mục đích của văn bản nhằm giới thiệu những nét đặc sắc của di tích lịch sử Ăng-co. Hai đặc điểm nêu trên đã làm rõ được mục đích của văn bản này.  4. Tình cảm của tác giả  Tình cảm trân trọng, mến phục của người viết về đền tháp Ăng-co. |
| ***\* HĐ 3: GV hướng dẫn HS tổng kết văn bản (5p)***  - Khái quát nội dung, nghệ thuật chính của văn bản. Từ việc đọc hiểu các văn bản trong bài 8, hãy khái quát cách đọc hiểu văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử.  - HS thảo luận cặp đôi, cử đại diện trình bày trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét về những chia sẻ của HS, tuyên dương, khích lệ và khắc sâu kĩ năng đọc hiểu văn bản giới thiệu | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Giới thiệu những nét đặc sắc của di tích lịch sử Ăng-co**.**  **2. Nghệ thuật**  - Bố cục chặt chẽ, cách triển khai thông tin gãy gọn, dễ hiểu.  - Thông tin dựa trên cơ sở khoa học.  - Người viết thể hiện tình cảm, cảm xúc với đối tượng giới thiệu.  **3. Một số lưu ý khi đọc văn bản giới thiệu một di tích lịch sử**  **-** Xác định mục đích của văn bản: giới thiệu lịch sử, kiến trúc, giá trị,... của di tích.  - Xác định được đối tượng mà văn bản hướng đến.  - Xác định các thông tin chính về di tích: tên gọi, vị trí, thời gian xây dựng, lịch sử hình thành,...  - Nhận biết được những đặc điểm nổi bật về kiến trúc, nghệ thuật của di tích.  - Hiểu rõ giá trị lịch sử, văn hóa và ý nghĩa của di tích.  - Xác định bố cục chung của văn bản: phần mở đầu, thân bài, kết luận.  - Xác định tình cảm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (10p)**

***a. Mục tiêu:*** HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

***b. Nội dung:*** HS hoàn thành bài tập GV giao.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV nêu yêu cầu: Liên hệ với văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế* và bài phỏng vấn *Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội*, hãynêu lên vai trò, ý nghĩa của các di tích lịch sử.

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.

- GV nhận xét, gợi mở:

Vai trò và ý nghĩa của các di tích lịch sử:

+ Là bằng chứng sống động về lịch sử lâu đời của một cộng đồng dân tộc, có văn hóa, văn minh,…

+ Có nhiều giá trị về tinh thần và vật chất: giúp ta hiểu lịch sử, hiểu con người thời trước, có giá trị văn hóa và du lịch,…

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (5p)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, liên hệ kết nối với tình huống trong thực tế đời sống.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, KT đặt câu hỏi để hướng dẫn HSbày tỏ suy nghĩ, cảm nhận.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV nêu câu hỏi yêu cầu HS làm việc cá nhân*:* Bằng những hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu một di tích lịch sử ở Việt Nam.

- HS suy nghĩ, lựa chọn di tích lịch sử, lập dàn ý và hoàn thiện bài tập ở nhà, trình bày vào tiết học sau.

**BÀI 8: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**Tiết 108,109,110:**

**VIẾT**

**BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: Viết được bài văn nghị luận phân tích về một vấn đề cần giải quyết theo các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt, biết cách thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực văn học: Nhận biết được vấn đề xã hội cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tìm hiểu về các di tích lịch sử, di sản văn hóa của dân tộc

- Có trách nhiệm, nghiêm túc trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi Góc nhìn cuộc sống**

**+ Yêu cầu**: Kể tên các địa danh xuất hiện trên slilde trong bài và cho biết đó là di tích lịch sử hay danh lam thắng cảnh ở đâu, có ý nghĩa gì đối với đất nước.

+ Gv gọi 1 bạn HS bất kì để thực hiện trò chơi, nếu có đáp án đúng, bạn chơi sẽ được chỉ định người chơi tiếp theo để thực hiện trò chơi

+ Thời gian: 10s/đáp án.

***- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới****:*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu chung về kiểu bài và những lưu ý khi viết bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG**  **CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG**  **CỦA HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | |
| **-** GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng trong SGK.  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Thế nào là bài văn nghị luận giải quyết một vấn đề?  Khi viết bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết một vấn đề cần chú ý những yêu cầu gì?  **- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức**  Trong quá trình viết bài văn chúng ta cần lưu ý những gì? | HS đọc  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ  HS nhận xét, bổ sung.  HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ | | | **I. Định hướng**  **1. Yêu cầu chung về kiểu bài**   * Cần nêu lên được vấn đề cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi, thuyết phục * Trình bày rõ vấn đề: Làm thế nào để giữ gin, tuyên truyền, quảng bá và phát huy giá trị của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. * Nội dung trình bày phải chặt chẽ với các văn bản thông tin đã học * Xác định vấn đề cụ thể, cần bàn luận về đề tài giữ gìn, ở tuyên truyền, quảng bá và phát huy giá trị của các di sản. * Tìm hiểu về di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã học liên hệ với những hiểu biết thực tiễn * Biết cách triển khai bài văn nghị luận bàn về một vấn đề xã hội theo bố cục 3 phần, kết hợp nghị luận với các phương thức biểu đạt khác. * Liên hệ kết nối với những hiểu biết trải nghiệm của cá nhân về các di sản trong nước và quốc tế | |

**2.2 Thực hành**

**a. Mục tiêu:**Nắm được cách viết bài văn về vấn đề cần giải quyết

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG**  **CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG**  **CỦA HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bài tập*:*** *Suy nghĩ của em khi đứng trước một di sản*  *(di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh)*  *đang bị xuống cấp.*  - GV yêu cầu HS chỉ ra các bước thực hiện bài viết  - Trong bước chuẩn bị, chúng ta cần chú ý những gì?  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  **-** Phần tìm ý, chúng ta sẽ làm như thế nào để hoàn thành tốt phần này?  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  -Khi viết bài văn, ta cần lưu ý những gì?  GV hướng dẫn tiến hành viết đoạn theo luận điểm xác định và chỉnh sửa bài viết theo mẫu  GV Hướng dẫn HS trao đổi chéo phiếu bài tập  GV chấm mẫu trên máy chiếu | HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  - HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung.  HS viết đoạn vào phiếu bài tập  HS đối chiếu bảng kiểm và chấm chữa | **II. Thực hành**  **1. Thực hành viết theo các bước**  **a. Chuẩn bị**  – Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu cần thực hiện.  – Xác định trọng tâm: Suy nghĩ của cá nhân trước một di sản đang bị hủy hoại và hư hỏng  - Kiểu văn bản: Nghị luận xã hội  - Phương thức: Nghị luận kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh…  - Phạm vi bằng chứng: Kiến thức địa lí, lịch sử liên quan  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  **- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:**  **- Lập dàn ý:**  **Mở bài**: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận  Đưa ra ý kiến khái quát về vấn đề nghị luận.  **Thân bài**  Giải thích ngắn gọn về di sản (vị trí địa lí)  Đặc điểm của di sản  Giá trị tinh thần, ý nghĩa, vai trò của di sản  Hiện trạng di sản  Bài học nhận thức hành động  **Kết bài**: Khẳng định lại vấn đề nghị luận.  Đề xuất giải pháp, rút ra bài học nhận thức, hành động.  **c. Viết**  - - Dựa vào dàn ý đã làm viết văn bản nghị luận, nêu những suy nghĩ về đề xuất các giải pháp khả thi. Có tính thuyết phục  - Trong khi viết: Chú ý vận dụng kỹ năng nhận xét, đánh giá (bình luận trong Bài nghị luận.  - Có thể viết một phần trong thân bài hoặc viết mở bài, kết bài.  **d. Kiểm tra và chỉnh sửa** |
|  | HS đọc  HS hoàn thiện phiếu bài tập  HS trả lời cá nhân  HS nhận xét, bổ sung. | **2. Rèn luyện kĩ năng viết: Bình luận (Nhận xét và đánh giá) trng bài văn nghị luận**  **a. Cách thức**  Người viết đưa ra những nhận xét, đánh giá (khen hoặc chê) của cá nhân đề làm rõ thêm vấn đề nghị luận  **b. Bài tập**  **\*** **Cho các luận điểm sau, hay viết câu văn bình luận phù hợp:**   1. **Chấp nhận thất bại để thành công trong cuộc sống**   Đôi khi sự thất bại lại cho mình những bài học quý giá, giúp ta áp dụng cho con đường thành công sau này. Tuy nhiên, bên cạnh những người biết thừa nhận thất bại thì vẫn có không ít kẻ mù quáng, hiểu sai lệch về câu “thất bại là mẹ thành công” mà ngông cuồng khiến thất bại nối tiếp thất bại. Và cũng có không ít kẻ hèn nhát khi gặp thất bại thì liền trốn tránh vào bóng tối, không dám đối diện với nó. Hãy nhìn nhận lại chính mình để học cách chấp nhận thất bại vì đó là bài học đầu tiên dẫn đến sự thành công trong cuộc sống.  **2. Kiên trì, không bỏ cuộc**  Luôn luôn nỗ lực, luôn luôn kiên trì là một đức tính tốt mà chúng ta cần có. Thế nhưng không phải lúc nào tính kiên trì cũng đem đến cho bản thân kết quả tốt. Việc kiên trì, không bỏ cuộc phải đi đôi với những quyết định đúng đắn, theo đuổi những lựa chọn phù hợp mới có hiệu quả, nếu không nó rất dễ trở thành cố chấp, tốn thời gian. Vì thế, hãy luôn thông minh để đặt sự kiên trì đúng lúc, đúng chỗ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GV yêu cầu HS:** Từ bài văn đã làm ở ý 2.1 Thực hành viết theo các bước, em hãy dẫn ra một đoạn văn trong dó có nêu ý kiến bình luận của mình  GV Hướng dẫn HS trao đổi chéo phiếu bài tập  GV chấm mẫu trên máy chiếu | HS hoàn thành đoạn văn vào phiếu bài tập  HS đối chiếu bảng kiểm và chấm chữa | **III. Luyện tập** |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

Kĩ thuật 3-2-1

**Tự tổng kết đánh giá và phản hồi**

Tự đánh giá mức độ hiểu bài của em:

Cảm xúc sau khi học bài xong:

- Hãy viết **3** điều em đã học được sau bài học

- Hãy viết **2** điều mà em cảm thấy thú vị nhất trong buổi học ngày hôm nay.

- Hãy viết **1** câu hỏi mà em còn thắc mắc trong khi học bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Tiết 111,112:

**Nói và nghe:**

**PHỎNG VẤN NGẮN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Kĩ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn.

**2. Năng lực**

**2.1 Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2.2. Năng lực đặc thù**

Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

**3-/ Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung phần trình bày của người khác.

- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Phiếu học tập.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến phỏng vấn và những việc liên quan đến phỏng vấn.

b. **Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho học sinh xem 1 video phỏng vấn và đặt ra câu hỏi để học sinh suy nghĩ trả lời.

*(?)Em hiểu thế nào là phỏng vấn, mục đích của phỏng vấn là gì**? Những việc cần làm để thực hiện một cuộc phỏng vấn là gì?*

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv tổng hợp ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2.1: Cách thực hiện một cuộc phỏng vấn**  **a. Mục tiêu:** Xác định được những thao tác cần thực hiện để tiến hành một cuộc phỏng vấn.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Nhiệm vụ 1 :***  ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV cho học sinh tìm hiểu sách giáo khoa và thực hiện nhiệm vụ thuyết trình  Nhóm 1,2: Những hiểu biết về hoạt động phỏng vấn.  Nhóm 3,4: Cách thức tiến hành phỏng vấn.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS đọc SGK và sắp xếp những kiênns thức về phỏng vấn.  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày cá nhân trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***\*B4: Kết luận, nhận định*** | **I. Tìm hiểu chung về phỏng vấn**  - Phỏng vấn ngắn là hình thức hỏi đáp nhanh về một nội dung cụ thể.  - Mục đích phỏng vấn ngắn là để tiếp nhận kịp thời thông tin về một vấn đề nào đó.  -Tính ngắn gọn thể hiện ở nội dung đơn giản, số lượng câu hỏi và lời đáp không nhiều. Người hỏi nêu câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng và người trả lời cũng nói ngắn gọn, tập trung vào ý được hỏi.  - Người phỏng vấn:  + Câu hỏi có đúng trọng tâm, ngắn gọn và rõ ràng không?  + Tác phong, thái độ, ngôn ngữ đã lịch sự, phù hợp với bối cảnh phỏng vấn chưa?  - Người trả lời phỏng vấn:  + Nội dung trả lời đã đầy đủ thông tin chính, ngắn gọn và sáng rõ chưa?  + Tác phong và thái độ trả lời có tự tin, vui vẻ, nhã nhặn, lịch sự… không?  **II. Cách thực hiện một cuộc phỏng vấn**  Bước 1:Chuẩn bị trước khi phỏng vấn  - Xác định nội dung và đối tượng phỏng vấn: Hỏi cái gì, để làhhhm gì và với ai?  - Cách thức: Hỏi như thế nào? Bằng cách nào?  Bước 2: Tiến hành phỏng vấn  + Cần chú ý chủ động, linh hoạt trong khi phỏng vấn. Chuẩn bị hỏi và trả lời những nội dung phát sinh trong khi phỏng vấn.  + Người phỏng ván và người trả lời phỏng vấn cần có thái độ nghiêm túc, lịch sự, kiên nhẫn; cần hỏi và trả lời ngắn gọn, rõ ràng…  Bước 3: Sau khi phỏng vấn  + Kết thúc phỏng vấn, người phỏng vấn phải cảm ơn người trả lời phỏng vấn.  \* Lưu ý:  - Biết cách phỏng vấn và trả lời phỏng vấn theo một trình tự và tạo được sự hấp dẫn.  - Có tác phong và thái độ phù hợp với bối cảnh, đối tượng người nghe. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập – thực hành nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 2.2: Thực hành kĩ năng phỏng vấn**  **a. Mục tiêu:** Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Thực hành kĩ năng phỏng vấn**  ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao cho HS thực hiện nhiệm vụ sau:  (1) Đọc SGK, xác định tình huống và vai mà từng thành viên đảm nhận trong cuộc phỏng vấn.  (2) Thảo luận để xác định những nội dung cần *chuẩn bị trước khi phỏng vấn*  (3) Đóng vai thực hiện phỏng vấn (HS lần lượt đổi vai để tiến hành phỏng vấn).  (4) HS đóng vai phóng viên đọc lại nội dung phỏng vấn cho HS đóng vai người được phỏng vấn nghe để kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và trung thực của thông tin.  Nhiệm vụ: Lớp chuẩn bị tổ chức tham quan một di tích lịch sử hoặc một danh lam thắng cảnh, em hãy phỏng vấn ngắn thầy giáo (cô giáo) chủ nhiệm hoặc một học sinh (lớp trưởng hoặc học sinh khác) trước buổi đi tham quan tập thể này.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện hai nhiệm vụ được phân công.  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện 1 – 2 thực hiện phần phỏng vấn trước lớp. Các nhóm khác dùng bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn trong SGK để đánh giá phần thực hiện của nhóm trình bày.  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  GV nhận định, tổng kết dựa trên ý kiến của HS. | |
| ***Bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Cuộc phỏng vấn có đầy đủ 3 phần: mở đầu, phần chính, kết thúc |  |  | | Chào hỏi người được phỏng vấn |  |  | | Giới thiệu về người phỏng vấn, người được phỏng vấn |  |  | | Giới thiệu được mục đích/nội dung của cuộc phỏng vấn |  |  | | Làm rõ nội dung cần phỏng vấn bằng hệ thống câu hỏi phù hợp |  |  | | Cảm ơn và chức sức khỏe người được phỏng vấn sau khi kết thúc |  |  | | Nói năng lưu loát, diễn đạt mạch lạc |  |  | | Người phỏng vấn và người được phỏng vấn có thái độ lịch sự, tôn trọng lẫn nhau |  |  | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được cuộc phỏng vấn ngắn

**b. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV giao nhiệm vụ cho học sinh để chuẩn bị phỏng vấn:**

Bài tập: Em hãy đóng vai phóng viên để phỏng vấn một giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn về việc phát triển du lịch Hồ Ba Bể cho quê hương Bắc Kạn.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xây dựng kịch bản và tiến hành phỏng vấn theo nhóm**

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm nộp sản phẩm là các video theo nhóm

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chấm Video và lấy điểm thường xuyên.